

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-31

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26/05/1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14/10/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500445085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Mái	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 22/04/2019
Ông Nguyễn Quốc Thành	Ủy viên	
Ông Nguyễn Huy Tiến	Ủy viên	
Ông Ngô Duy Đông	Ủy viên	
Ông Bùi Hồng Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2019

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Tiến	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Ngô Bá Việt	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Ngô Duy Đông	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Bùi Hồng Sơn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Nguyễn Huy Tiến	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Nguyễn Thanh Khán	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/07/2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên
Bà Thái Thị Hồng Loan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

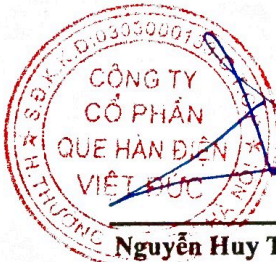
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

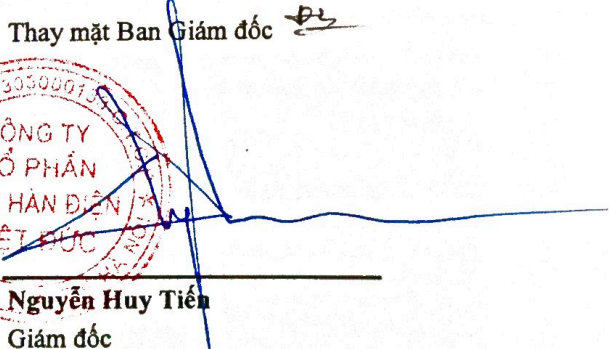
Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc 




Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021



Số: 260321.004/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

AASC AUDITING FIRM



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

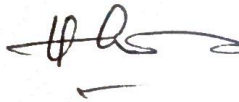
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		91.991.944.732	77.880.818.301
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.531.924.894	16.481.278.897
111	1. Tiền		19.531.924.894	16.481.278.897
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.149.548.002	28.848.881.665
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	35.624.632.066	35.931.993.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.277.153.816	501.352.123
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	359.607.720	413.725.166
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.111.845.600)	(7.998.188.941)
140	IV. Hàng tồn kho	8	40.053.600.718	32.293.786.621
141	1. Hàng tồn kho		40.053.600.718	32.293.786.621
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		256.871.118	256.871.118
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		256.871.118	256.871.118
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		39.550.448.011	46.100.834.996
220	II. Tài sản cố định		36.088.271.984	42.459.355.769
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	36.088.271.984	42.459.355.769
222	- Nguyên giá		128.061.467.997	127.044.222.543
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(91.973.196.013)	(84.584.866.774)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		267.135.000	267.135.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(267.135.000)	(267.135.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.462.176.027	3.641.479.227
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.462.176.027	3.641.479.227
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		131.542.392.743	123.981.653.297

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		35.803.379.760	47.213.893.798
310	I. Nợ ngắn hạn		35.803.379.760	47.213.893.798
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	8.343.531.883	16.545.148.188
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	876.325.553	95.980.385
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.966.001.831	2.504.677.017
314	4. Phải trả người lao động		4.460.957.953	3.602.747.307
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	12.294.929.212	11.269.403.099
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	7.844.489.535	13.103.982.009
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		17.143.793	91.955.793
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		95.739.012.983	76.767.759.499
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	95.739.012.983	76.767.759.499
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.247.160.000	55.247.160.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		55.247.160.000	55.247.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		683.890.000	683.890.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.524.716.000	5.524.716.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.283.246.983	15.311.993.499
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		14.961.993.499	11.279.636.394
421b	LNST chưa phân phối năm nay		19.321.253.484	4.032.357.105
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		131.542.392.743	123.981.653.297


Ngô Thị Hương
Người lập


Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc

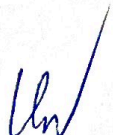


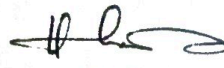
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	277.795.004.613	245.641.010.840
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	5.465.918.339	6.178.543.928
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		272.329.086.274	239.462.466.912
11	4. Giá vốn hàng bán	21	216.409.468.482	205.429.814.167
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.919.617.792	34.032.652.745
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	12.319.549	4.335.246
22	7. Chi phí tài chính	23	685.929.081	900.081.912
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		685.929.081	900.081.912
25	8. Chi phí bán hàng	24	7.408.954.356	7.637.930.340
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.585.200.543	9.729.766.518
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.251.853.361	15.769.209.221
31	11. Thu nhập khác	26	688.001.143	1.116.561
32	12. Chi phí khác		40.000.000	296.829.522
40	13. Lợi nhuận khác		648.001.143	(295.712.961)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.899.854.504	15.473.496.260
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	7.529.169.020	3.154.065.155
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>30.370.685.484</u>	<u>12.319.431.105</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5.497	2.230


Ngô Thị Hương
Người lập


Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc




Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

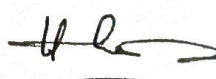
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		300.674.638.808	267.234.905.958
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(239.236.157.644)	(216.090.105.407)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(22.340.406.910)	(19.892.694.705)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(685.929.081)	(900.081.912)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.742.971.328)	(1.487.363.525)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		688.001.143	-
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.693.591.077)	(8.327.129.413)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.663.583.911	20.537.530.996
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.017.245.454)	(294.055.920)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.319.549	4.335.246
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.004.925.905)	(289.720.674)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		24.659.227.849	39.171.475.692
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(29.918.720.323)	(41.243.323.703)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.348.519.535)	(8.256.500.150)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.608.012.009)	(10.328.348.161)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.050.645.997	9.919.462.161
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.481.278.897	6.561.816.736
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	19.531.924.894	16.481.278.897


Ngô Thị Hương
Người lập


Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26/05/1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14/10/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500445085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 55.247.160.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 55.247.160.000 đồng; tương đương 5.524.716 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 176 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 168 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn (que hàn điện, dây hàn);
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu để sản xuất vật liệu hàn;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là "Nhà máy sản xuất dây hàn" tại Hải Dương, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại dây hàn.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Bảng sáng chế	03 - 05 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất que hàn và dây hàn, chiếm hơn 90% trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.918.616.634	1.027.478.723
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.613.308.260	15.453.800.174
	<u>19.531.924.894</u>	<u>16.481.278.897</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	3.406.673.850	(3.406.673.850)	3.406.598.850	(3.406.598.850)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Chanh	1.092.299.223	(1.092.299.223)	1.092.299.223	(1.092.299.223)
- Công ty TNHH Hà Bảo	1.530.720.459	-	3.441.916.497	-
- Công ty TNHH MTV Phương Mai	1.423.694.393	-	2.204.976.418	-
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại Tổng hợp Phương Đông	2.568.825.050	-	5.782.945.300	-
- Nguyễn Thị Hoa Nam Định	3.368.954.364	-	2.135.445.551	-
- Phải thu khách hàng khác	22.233.464.727	(2.612.872.527)	17.867.811.478	(3.499.290.868)
	35.624.632.066	(7.111.845.600)	35.931.993.317	(7.998.188.941)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị	520.000.000	-	137.500.043	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Liên Phát	-	-	150.370.000	-
- Mighty Metal Materials Co.,Ltd	744.773.373	-	-	-
- Công ty Itamec - Italy	1.705.374.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	307.006.443	-	213.482.080	-
	3.277.153.816	-	501.352.123	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	14.881.590	-	154.266.147	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	447.200	-	-	-
Tạm ứng	236.603.756	-	178.141.655	-
Phải thu khác	107.675.174	-	81.317.364	-
	359.607.720	-	413.725.166	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	3.406.673.850	-	3.406.598.850	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Chanh	1.092.299.223	-	1.092.299.223	-
- Các khoản khác	3.188.563.345	575.690.818	5.062.449.431	1.563.158.563
	7.687.536.418	575.690.818	9.561.347.504	1.563.158.563

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.251.731.307	-	22.423.764.473	-
Công cụ, dụng cụ	154.643.927	-	163.949.143	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.787.775.150	-	1.566.586.100	-
Thành phẩm	3.447.469.665	-	7.143.107.554	-
Hàng hoá	1.411.980.669	-	996.379.351	-
	40.053.600.718	-	32.293.786.621	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	36.548.890.596	79.628.009.919	10.781.231.119	86.090.909	127.044.222.543					
- Mua trong năm	-	50.000.000	967.245.454	-	1.017.245.454					
Số dư cuối năm	36.548.890.596	79.678.009.919	11.748.476.573	86.090.909	128.061.467.997					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	20.866.403.705	54.830.321.440	8.802.050.720	86.090.909	84.584.866.774					
- Khấu hao trong năm	1.562.932.645	5.335.383.794	490.012.800	-	7.388.329.239					
Số dư cuối năm	22.429.336.350	60.165.705.234	9.292.063.520	86.090.909	91.973.196.013					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	15.682.486.891	24.797.688.479	1.979.180.399	-	42.459.355.769					
Tại ngày cuối năm	14.119.554.246	19.512.304.685	2.456.413.053	-	36.088.271.984					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.353.427.383 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.696.168.191 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bằng sáng chế với nguyên giá tại ngày 31/12/2020 là 267.135.000 đồng và đã khấu hao hết.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp ^(*)	3.043.569.627	3.203.569.627
Chi phí chuyên giao công nghệ	418.606.400	437.909.600
	3.462.176.027	3.641.479.227

(*) Khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng liên quan đến Dự án Nhà máy sản xuất dây hàn 6.000 tấn/năm tại tỉnh Hải Dương được phân bổ theo thời gian hoạt động của dự án.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Hóa chất BTM	1.444.960.000	1.444.960.000	1.921.162.656	1.921.162.656
- Công ty TNHH Vạn Đạt	-	-	4.572.826.170	4.572.826.170
- Công ty TNHH Bao bì Phú Minh	661.845.459	661.845.459	592.869.596	592.869.596
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàn Kiếm	904.990.100	904.990.100	3.229.459.159	3.229.459.159
- Công ty TNHH Đức	646.115.600	646.115.600	417.556.000	417.556.000
- Công ty TNHH Thương mại Đức Hiền	751.045.014	751.045.014	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	3.934.575.710	3.934.575.710	5.811.274.607	5.811.274.607
	8.343.531.883	8.343.531.883	16.545.148.188	16.545.148.188

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp Thành An	390.303.100	-
Công ty Cổ phần Nahaviwel	396.163.800	-
Người mua trả tiền trước khác	89.858.653	95.980.385
	876.325.553	95.980.385

CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Quê Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	582.171.259	8.069.467.810	8.382.007.688	-	269.631.381	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	99.577.737	99.577.737	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.892.033.293	7.529.169.020	7.742.971.328	-	1.678.230.985	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	30.472.465	574.996.745	587.329.745	-	18.139.465	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	-	7.455.200	7.455.200	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.055.828.182	1.055.828.182	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-
	-	2.504.677.017	17.339.494.694	17.878.169.880	-	1.966.001.831	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	01/01/2020		31/12/2020	
	Đã điều chỉnh	VND	Đã điều chỉnh	VND
- Kinh phí công đoàn	83.019.148	79.384.215	83.019.148	79.384.215
- Bảo hiểm y tế	58.745.767	-	58.745.767	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	57.118.889	11.840.350	57.118.889	11.840.350
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.390.896.090	11.091.808.555	8.390.896.090	11.091.808.555
- Phải trả lãi chậm thanh toán	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Phải trả ông Ngô Bá Việt(*)	1.278.673.000	778.673.000	1.278.673.000	778.673.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	400.950.205	333.223.092	400.950.205	333.223.092
	11.269.403.099	12.294.929.212	11.269.403.099	12.294.929.212

(*) Khoản tiền ông Ngô Bá Việt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho Công ty vay không tính lãi suất để mua ô tô.

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

	1.278.673.000
--	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	13.103.982.009	13.103.982.009	24.659.227.849	29.918.720.323	7.844.489.535	7.844.489.535
	13.103.982.009	13.103.982.009	24.659.227.849	29.918.720.323	7.844.489.535	7.844.489.535

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2020:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 2503/2020-HĐCVHM/NHCT320 - VIWELCO ngày 30/03/2020 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 30/03/2020 đến ngày 30/03/2021;
- + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 7.844.489.535 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản là Máy móc thiết bị trong hợp đồng thế chấp số 0109/2020/HĐBB/NHCT320-VIWELCO ngày 09/09/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	55.247.160.000	683.890.000	683.890.000	5.524.716.000	19.716.710.394	81.172.476.394				
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	12.319.431.105	12.319.431.105				
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(16.724.148.000)	(16.724.148.000)				
Số dư cuối năm trước	55.247.160.000	683.890.000	683.890.000	5.524.716.000	15.311.993.499	76.767.759.499				
Số dư đầu năm nay	55.247.160.000	683.890.000	683.890.000	5.524.716.000	15.311.993.499	76.767.759.499				
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	30.370.685.484	30.370.685.484				
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(11.399.432.000)	(11.399.432.000)				
Số dư cuối năm nay	55.247.160.000	683.890.000	683.890.000	5.524.716.000	34.283.246.983	95.739.012.983				

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ - ĐHCĐ ngày 08/06/2020 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 184/NQ-HĐQT ngày 16/12/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	45.682.678.983
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,77%	350.000.000
Tạm ứng cổ tức năm 2020 (bằng 20% vốn điều lệ)	24,19%	11.049.432.000
Lợi nhuận chưa phân phối	75,04%	34.283.246.983

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Ngô Bá Việt	17,75%	9.807.590.000	17,75%	9.807.590.000
Ông Đặng Quốc Dũng	6,06%	3.350.000.000	6,06%	3.350.000.000
Ông Nguyễn Huy Tiến	8,53%	4.713.630.000	8,53%	4.713.630.000
Các cổ đông khác	67,66%	37.375.940.000	67,66%	37.375.940.000
	100%	55.247.160.000	100%	55.247.160.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.247.160.000	55.247.160.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	55.247.160.000	55.247.160.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	55.247.160.000	55.247.160.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	8.390.896.090	73.248.240
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	11.049.432.000	16.574.148.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	8.287.074.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	11.049.432.000	8.287.074.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(8.348.519.535)	(8.256.500.150)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(8.348.519.535)	(8.256.500.150)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	11.091.808.555	8.390.896.090

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.524.716	5.524.716
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.524.716	5.524.716
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.524.716	5.524.716
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.524.716	5.524.716
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.524.716	5.524.716
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.524.716.000	5.524.716.000
	5.524.716.000	5.524.716.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký các hợp đồng thuê đất như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại Quốc lộ 1A đoạn từ giáp huyện Thanh Trì đến giáp thị trấn Thường Tín để sử dụng với mục đích làm văn phòng và cơ sở sản xuất, thời hạn 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 22.066,3 m² và 982,6 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, thời hạn 25 năm. Diện tích khu đất thuê là 21.700 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.591,72	1.591,72
- Đồng Euro (EUR)	412,14	412,14

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Công nghiệp Tàu thủy Bạch Đằng	1.343.019.727	1.343.019.727
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Du lịch Duy Anh	660.996.234	385.996.234
- Russia Limited Liability Company (LLC)	293.499.649	146.749.825
- Các khoản khác	1.153.662.300	869.421.525

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	265.649.697.256	235.756.403.715
Doanh thu bán hàng hoá	11.148.386.215	6.613.067.214
Doanh thu cung cấp dịch vụ	996.921.142	3.271.539.911
	<u><u>277.795.004.613</u></u>	<u><u>245.641.010.840</u></u>

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.043.838.386	5.144.042.893
Hàng bán bị trả lại	295.540.023	797.454.035
Giảm giá hàng bán	126.539.930	237.047.000
	<u><u>5.465.918.339</u></u>	<u><u>6.178.543.928</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	207.541.528.537	199.555.474.757
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.867.939.945	5.851.028.189
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	23.311.221
	216.409.468.482	205.429.814.167

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.319.549	4.335.246
	12.319.549	4.335.246

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	685.929.081	900.081.912
	685.929.081	900.081.912

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	145.575.995	80.166.267
Chi phí nhân công	2.526.301.580	3.196.448.161
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.952.600	167.320.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.243.815.202	3.317.792.065
Chi phí khác bằng tiền	1.315.308.979	876.203.075
	7.408.954.356	7.637.930.340

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.383.929	59.781.169
Chi phí nhân công	7.471.874.864	5.540.510.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.142.145	247.810.984
Thuế, phí, lệ phí	1.063.759.782	1.068.730.982
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(180.352.742)	1.017.670.142
Chi phí khác bằng tiền	1.992.392.565	1.795.263.096
	10.585.200.543	9.729.766.518

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hoàn thuế tự vệ	688.001.143	-
Thu nhập khác	-	1.116.561
	688.001.143	1.116.561

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.899.854.504	15.473.496.260
Các khoản điều chỉnh tăng	745.990.599	296.829.522
- Chi phí không hợp lệ	745.990.599	296.829.522
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.000.000.000)	-
- Chi phí lãi chậm thanh toán đã điều chỉnh vào các năm trước	(1.000.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	37.645.845.103	15.770.325.782
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	7.529.169.020	3.154.065.155
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.892.033.293	225.331.663
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(7.742.971.328)	(1.487.363.525)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.678.230.985	1.892.033.293

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	30.370.685.484	12.319.431.105
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	30.370.685.484	12.319.431.105
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.524.716	5.524.716
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.497	2.230

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171.789.696.935	168.498.604.619
Chi phí nhân công	25.669.775.579	22.340.775.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.388.329.239	7.663.439.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.912.054.745	3.710.557.973
Chi phí khác bằng tiền	11.481.730.841	10.431.113.245
	222.241.587.339	212.644.490.509

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.531.924.894	-	16.481.278.897	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.984.239.786	(7.111.845.600)	36.345.718.483	(7.998.188.941)
	55.516.164.680	(7.111.845.600)	52.826.997.380	(7.998.188.941)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			7.844.489.535	13.103.982.009
Phải trả người bán, phải trả khác			20.638.461.095	27.814.551.287
			28.482.950.630	40.918.533.296

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.531.924.894	-	-	19.531.924.894
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.872.394.186	-	-	28.872.394.186
	<u>48.404.319.080</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>48.404.319.080</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.481.278.897	-	-	16.481.278.897
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.347.529.542	-	-	28.347.529.542
	<u>44.828.808.439</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.828.808.439</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	7.844.489.535	-	-	7.844.489.535
Phải trả người bán, phải trả khác	20.638.461.095	-	-	20.638.461.095
	<u>28.482.950.630</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>28.482.950.630</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	13.103.982.009	-	-	13.103.982.009
Phải trả người bán, phải trả khác	27.814.551.287	-	-	27.814.551.287
	<u>40.918.533.296</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>40.918.533.296</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:	
		31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch HĐQT		
		<u>778.673.000</u>	<u>1.278.673.000</u>
Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch HĐQT	778.673.000	1.278.673.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thu nhập của các thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị như sau:


	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
Ông Nguyễn Huy Tiến	Giám đốc	440.715.000 VND	319.406.600 VND
Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch HĐQT	475.640.100	400.498.100
Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Giám đốc	374.851.500	232.887.000
Ông Ngô Duy Đông	Phó Giám đốc	387.236.300	217.837.700
Ông Nguyễn Hữu Mai	Ủy viên HĐQT	14.400.000	9.600.000
Ông Nguyễn Thanh Khán	Phó Giám đốc	189.010.000	331.189.400
Ông Bùi Hồng Sơn	Phó Giám đốc	13.827.000	301.859.600

33 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 căn cứ theo Biên bản làm việc ngày 25/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức và Công ty TNHH Vạn Đạt thống nhất phương án tính lãi chậm trả đối với khoản nợ chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức đến hết ngày 31/12/2018 là 1.000.000.000 đồng. Hai bên thống nhất không tính lãi chậm trả đối với khoản nợ tại thời điểm 01/01/2019 cho tới khi Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức thanh toán hết nợ gốc. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Bảng Cân đối kế toán				
Phải trả ngắn hạn khác	319	10.269.403.099	11.269.403.099	1.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16.311.993.499	15.311.993.499	(1.000.000.000)



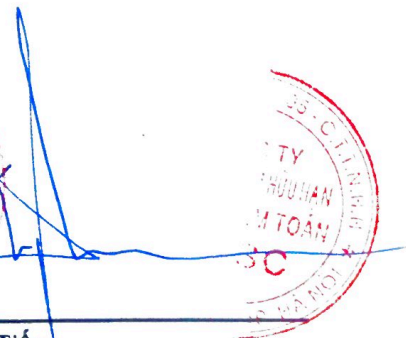
Ngô Thị Hương
Người lập



Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021